

QUYẾT ĐỊNH
(V/v: Bổ nhiệm Chủ nhiệm công trình)

**GIÁM ĐỐC CÔNG TY TNHH TƯ VẤN, TRIỂN KHAI CÔNG NGHỆ
VÀ XÂY DỰNG MỎ - ĐỊA CHẤT**

- Căn cứ nhiệm vụ và quyền hạn của Giám đốc;
- Căn cứ Điều lệ của Công ty TNHH Tư vấn, Triển khai Công nghệ và Xây dựng Mỏ - Địa chất;
- Theo hợp đồng số 38/2023/HĐ-BĐT ký kết giữa Ban quản lý khu vực phát triển đô thị Bắc Ninh với Công ty TNHH Tư vấn, Triển khai Công nghệ và Xây dựng Mỏ - Địa chất.

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1: Bổ nhiệm Ông Trần Xuân Miễn làm chủ nhiệm công trình “Tư vấn giám sát khảo sát địa hình của gói thầu số 03 thuộc quy hoạch phân khu đô thị tỷ lệ 1/2.000 Phân khu số 2 (Chờ, Trung Nghĩa, Yên Phụ, Văn Môn, Đông Thọ, huyện Yên Phong)”.

Điều 2: Chủ nhiệm công trình chịu trách nhiệm toàn bộ trước Công ty và trước Pháp luật của Nhà nước về việc thực hiện và hoàn thành công trình (có quyền mua vật tư, thiết bị, thuê nhân công,...).

Điều 3: Quyết định này có hiệu lực từ ngày ký, hết hiệu lực sau khi kết thúc công trình và hoàn thành các thủ tục thanh quyết toán theo qui định của Nhà nước. Các bộ phận chức năng và cán bộ có tên trên chịu trách nhiệm thi hành quyết định này.

Nơi nhận:

- Như điều 3;
- Lưu VT Công ty.



GIÁM ĐỐC

PGS.TS. Trần Đình Kiên

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

HỢP ĐỒNG TƯ VẤN

Số: Số: 38/2023/HĐ-BĐT

(Ngày 19 tháng 12 năm 2023)

**Gói thầu số 04: Tư vấn giám sát khảo sát địa hình của gói thầu số 03
thuộc Quy hoạch phân khu đô thị tỷ lệ 1/2.000 Phân khu số 2 (Chờ - Trung Nghĩa -
Yên Phụ - Văn Môn - Đông Thọ, huyện Yên Phong)**

Giữa

BAN QUẢN LÝ KHU VỰC PHÁT TRIỂN ĐÔ THỊ BẮC NINH

Với

**CÔNG TY TNHH TƯ VẤN, TRIỂN KHAI CÔNG NGHỆ
VÀ XÂY DỰNG MỎ - ĐỊA CHẤT**

Năm 2023

MỤC LỤC

PHẦN 1. THÔNG TIN GIAO DỊCH	3
PHẦN 2. CÁC CĂN CỨ KÝ KẾT HỢP ĐỒNG	4
PHẦN 3. ĐIỀU KIỆN CHUNG CỦA HỢP ĐỒNG	6
Điều 1. Diễn giải	6
Điều 2. Loại hợp đồng.....	6
Điều 3. Hồ sơ hợp đồng tư vấn xây dựng và thứ tự ưu tiên.....	6
Điều 4. Trao đổi thông tin	7
Điều 5. Luật áp dụng và ngôn ngữ sử dụng trong hợp đồng	7
Điều 6. Nội dung, khối lượng công việc và sản phẩm của hợp đồng	7
Điều 7. Yêu cầu về chất lượng, số lượng sản phẩm tư vấn xây dựng.....	7
Điều 8. Căn cứ nghiệm thu sản phẩm tư vấn xây dựng	8
Điều 9. Giá hợp đồng	8
Điều 10. Điều chỉnh hợp đồng tư vấn	8
Điều 11. Quyền và nghĩa vụ của Nhà thầu tư vấn	9
Điều 12. Quyền và nghĩa vụ của Chủ đầu tư	10
Điều 13. Nhân lực của Nhà thầu tư vấn	10
Điều 14. Bản quyền và quyền sử dụng tài liệu	11
Điều 15. Rủi ro và bất khả kháng.....	11
Điều 16. Tạm ngừng công việc trong hợp đồng	13
Điều 17. Chấm dứt hợp đồng	13
Điều 18. Quyết toán và thanh lý hợp đồng	14
Điều 19. Nghiệm thu sản phẩm tư vấn.....	15
Điều 20. Thời gian và tiến độ thực hiện hợp đồng tư vấn xây dựng	15
Điều 21. Tạm ứng và thanh toán.....	15
Điều 22. Khiếu nại, hòa giải và giải quyết tranh chấp.....	15
Điều 23. Thưởng, phạt, bồi thường thiệt hại.....	16
Điều 24. Điều khoản chung.....	16
PHẦN 4. ĐIỀU KIỆN CỤ THỂ CỦA HỢP ĐỒNG	16
Điều 2. Loại hợp đồng.....	16
Điều 5. Luật áp dụng và ngôn ngữ sử dụng trong hợp đồng	17
Điều 7. Yêu cầu về chất lượng, số lượng sản phẩm tư vấn xây dựng.....	17
Điều 9. Giá hợp đồng	17
Điều 10. Điều chỉnh hợp đồng tư vấn xây dựng	17
Điều 13. Nhân lực của Nhà thầu tư vấn	17
Điều 17. Chấm dứt hợp đồng	17
Điều 19. Nghiệm thu sản phẩm tư vấn.....	18
Điều 20. Thời gian và tiến độ thực hiện hợp đồng tư vấn xây dựng	18
Điều 21. Tạm ứng và thanh toán.....	18
Điều 22. Khiếu nại, hòa giải và giải quyết tranh chấp.....	18
Điều 23. Thưởng, phạt, bồi thường thiệt hại.....	18
Điều 24. Điều khoản chung.....	18

DANH MỤC CÁC CHỮ VIẾT TẮT

ĐKC	Điều kiện chung
ĐKCT	Điều kiện cụ thể
HSMT	Hồ sơ mời thầu
HSDT	Hồ sơ dự thầu
Luật Xây dựng số 50/2014/QH13	Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 ngày 18/6/2014 của Quốc hội.
Luật số 62/2020/QH14	Luật số 62/2020/QH14 ngày 17/6/2020 của Quốc hội sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng.
Luật đo đạc và bản đồ số 27/2018/QH14	Luật đo đạc và bản đồ số 27/2018/QH14 ngày 14/6/2018 của Quốc hội.
Nghị định số 37/2015/NĐ-CP	Nghị định số 37/2015/NĐ-CP ngày 22/4/2015 của Chính phủ quy định chi tiết về hợp đồng xây dựng.
Nghị định số 50/2021/NĐ-CP	Nghị định số 50/2021/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 37/2015/NĐ-CP ngày 22/4/2015 của Chính phủ quy định chi tiết về hợp đồng xây dựng.
Nghị định số 15/2021/NĐ-CP	Nghị định số 15/2021/NĐ-CP ngày 03/3/2021 của Chính phủ về quy định chi tiết một số nội dung về quản lý dự án đầu tư xây dựng.
Thông tư số 24/2018/TT-BTNMT	Thông tư số 24/2018/TT-BTNMT ngày 15 tháng 11 năm 2018 của Bộ Tài nguyên và Môi trường Quy định về kiểm tra, thẩm định, nghiệm thu chất lượng sản phẩm đo đạc và bản đồ
Thông tư số 03/2023/TT-BTNMT	Thông tư số 03/2023/TT-BTNMT ngày 27 tháng 6 năm 2023 của Bộ Tài nguyên và Môi trường ban hành quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về bản đồ địa hình quốc gia tỷ lệ 1:2.000, 1:5.000

PHẦN 1. THÔNG TIN GIAO DỊCH

Hôm nay, ngày 19 tháng 12 năm 2023 tại Ban Quản lý khu vực phát triển đô thị Bắc Ninh chúng tôi gồm các bên dưới đây:

1. Chủ đầu tư (Bên A):

Tên giao dịch: Ban Quản lý khu vực phát triển đô thị Bắc Ninh

Đại diện là : Ông **Nguyễn Nhân Cường** Chức vụ: **Trưởng ban**

Địa chỉ : Số 6 Nguyễn Đăng Đạo, P. Tiền An, TP. Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh.

Tài khoản : tại Kho bạc Nhà nước Bắc Ninh

Mã số thuế : 2300233390

Điện thoại : 02223.823.914

Fax: 02223.850.259

Và bên kia là:

2. Nhà thầu (Bên B):

**Tên giao dịch: Công ty TNHH Tư vấn, Triển khai công nghệ và xây dựng
Mỏ - Địa chất**

Đại diện là : Ông **Trần Đình Kiên** Chức vụ: **Giám đốc**

Địa chỉ : Số 36, Ngõ 30, phố Tạ Quang Bửu, phường Bách Khoa, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội.

Tài khoản : 111000037499 tại Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Thăng Long, Hà Nội.

Mã số thuế : 0101074336

Điện thoại : 02437.550.428

Các bên thống nhất thỏa thuận như sau :

Hai bên cùng thống nhất ký hợp đồng tư vấn Gói thầu số 04: Tư vấn giám sát khảo sát địa hình của gói thầu số 03 thuộc Quy hoạch phân khu đô thị tỷ lệ 1/2.000 Phân khu số 2 (Chờ - Trung Nghĩa - Yên Phụ - Văn Môn - Đông Thọ, huyện Yên Phong) như sau:

PHẦN 2. CÁC CĂN CỨ KÝ KẾT HỢP ĐỒNG

Bộ Luật Dân sự ngày 24 tháng 11 năm 2015;

Luật Quy hoạch đô thị số 30/2009/QH12 ngày 17/6/2009;

Luật Đấu thầu số 43/2013/QH13 ngày 26 tháng 11 năm 2013;

Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 ngày 18/6/2014; Luật số 62/2020/QH14 ngày 17/6/2020 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng;

Luật đo đạc và bản đồ số 27/2018/QH14 ngày 14/6/2018 của Quốc hội.

Nghị định số 37/2015/NĐ-CP ngày 22 tháng 4 năm 2015 của Chính phủ quy định chi tiết về hợp đồng xây dựng;

Nghị định số 50/2021/NĐ-CP ngày 01 tháng 4 năm 2021 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 37/2015/NĐ-CP ngày 22 tháng 4 năm 2015 của Chính phủ quy định chi tiết về hợp đồng xây dựng;

Thông tư số 02/2023/TT-BXD ngày 03/3/2023 của Bộ Xây dựng hướng dẫn một số nội dung về hợp đồng xây dựng;

Thông tư số 24/2018/TT-BTNMT ngày 15 tháng 11 năm 2018 của Bộ Tài nguyên và Môi trường Quy định về kiểm tra, thẩm định, nghiệm thu chất lượng sản phẩm đo đạc và bản đồ;

Thông tư số 03/2023/TT-BTNMT ngày 27 tháng 6 năm 2023 của Bộ Tài nguyên và Môi trường ban hành quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về bản đồ địa hình quốc gia tỷ lệ 1:2.000, 1:5.000;

Văn bản số 150/UBND-XDCB ngày 09/5/2023 của UBND tỉnh Bắc Ninh về việc điều chỉnh, giao nhiệm vụ lập các đồ án quy hoạch phân khu trên địa bàn tỉnh;

Các Quyết định của Chủ tịch UBND tỉnh Bắc Ninh: Số 355/QĐ-UBND ngày 18/8/2023 về việc phê duyệt nhiệm vụ quy hoạch; Số 1200/QĐ-UBND ngày 09/10/2023 phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu thực hiện một số gói thầu tư vấn thuộc Đồ án Quy hoạch phân khu đô thị tỷ lệ 1/2.000 Phân khu số 2 (Chờ - Trung Nghĩa - Yên Phụ - Văn Môn - Đông Thọ, huyện Yên Phong);

Thư mời chỉ định thầu số 93/BĐT-ĐT ngày 30/11/2023 của Ban Quản lý khu vực phát triển đô thị Bắc Ninh;

Các Quyết định của Trưởng ban Quản lý khu vực phát triển đô thị Bắc Ninh: số 257/QĐ-BĐT ngày 15/11/2023 về việc phê duyệt nhiệm vụ và dự toán khảo sát địa hình; số 261/QĐ-BĐT ngày 16/11/2023 về việc phê duyệt dự toán các gói thầu tư vấn thuộc Đồ án Quy hoạch phân khu đô thị tỷ lệ 1/2.000 Phân khu số 2 (Chờ - Trung Nghĩa - Yên Phụ - Văn Môn - Đông Thọ, huyện Yên Phong);

Biên bản thương thảo hợp đồng Gói thầu số 04: Tư vấn giám sát khảo sát địa hình của gói thầu số 03 thuộc Quy hoạch phân khu đô thị tỷ lệ 1/2.000 Phân khu số 2 (Chờ - Trung Nghĩa - Yên Phụ - Văn Môn - Đông Thọ, huyện Yên Phong) giữa Bên mời thầu và đại diện Công ty TNHH Tư vấn, Triển khai công nghệ và xây dựng Mô - Địa chất;

Quyết định số 318/QĐ-BĐT ngày 18/12/2023 của Trưởng ban Ban Quản lý khu vực phát triển đô thị Bắc Ninh về việc phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu Gói thầu số 04: Tư vấn giám sát khảo sát địa hình của gói thầu số 03 thuộc Quy hoạch phân khu đô thị tỷ lệ 1/2.000 Phân khu số 2 (Chờ - Trung Nghĩa - Yên Phụ - Văn Môn - Đông Thọ, huyện Yên Phong);

Các văn bản liên quan khác.

PHẦN 3. ĐIỀU KIỆN CHUNG CỦA HỢP ĐỒNG

Điều 1. Diễn giải

Các từ và cụm từ trong hợp đồng này được hiểu theo các định nghĩa và diễn giải sau đây:

1. Chủ đầu tư là Ban Quản lý khu vực phát triển đô thị Bắc Ninh.
2. Nhà thầu tư vấn là Công ty TNHH Tư vấn, Triển khai công nghệ và xây dựng Mỏ - Địa chất.
3. Quy hoạch là: Quy hoạch phân khu đô thị tỷ lệ 1/2.000 Phân khu số 2 (Chờ - Trung Nghĩa - Yên Phụ - Văn Môn - Đông Thọ, huyện Yên Phong).
4. Gói thầu là Gói thầu số 04: Tư vấn giám sát khảo sát địa hình của gói thầu số 03.
5. Đại diện Chủ đầu tư là người được Chủ đầu tư nêu ra trong hợp đồng hoặc được ủy quyền và thay mặt cho Chủ đầu tư điều hành công việc.
6. Đại diện Nhà thầu tư vấn là người được Nhà thầu tư vấn nêu ra trong hợp đồng hoặc được Nhà thầu tư vấn chỉ định và thay mặt Nhà thầu tư vấn điều hành công việc.
7. Hợp đồng là toàn bộ Hồ sơ hợp đồng tư vấn xây dựng theo quy định tại Điều 3 [Hồ sơ hợp đồng tư vấn và thứ tự ưu tiên].
8. Bên là Chủ đầu tư hoặc Nhà thầu tư vấn tùy theo hoàn cảnh cụ thể.
9. Ngày được hiểu là ngày dương lịch và tháng được hiểu là tháng dương lịch.
10. Ngày làm việc được hiểu là các ngày theo dương lịch, trừ ngày chủ nhật, ngày nghỉ lễ, tết theo quy định của pháp luật.
11. Luật là toàn bộ hệ thống luật pháp của nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam.

Điều 2. Loại hợp đồng

Loại hợp đồng: [quy định tại **ĐKCT**]

Điều 3. Hồ sơ hợp đồng tư vấn xây dựng và thứ tự ưu tiên

1. Hồ sơ hợp đồng bao gồm hợp đồng tư vấn và các tài liệu tại khoản 2 dưới đây.
2. Các tài liệu kèm theo hợp đồng là bộ phận không tách rời của hợp đồng tư vấn. Các tài liệu kèm theo hợp đồng và thứ tự ưu tiên để xử lý mâu thuẫn giữa các tài liệu bao gồm:
 - a) Quyết định phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu;
 - b) Điều kiện cụ thể của hợp đồng
 - c) Điều kiện chung của hợp đồng;
 - d) Thư mời chỉ định thầu của Chủ đầu tư;
 - e) Biên bản thương thảo hợp đồng, văn bản sửa đổi, bổ sung hợp đồng;
 - g) Các phụ lục của hợp đồng;
 - i) Các tài liệu khác có liên quan.
3. Thứ tự ưu tiên áp dụng các tài liệu kèm theo hợp đồng xây dựng áp dụng theo thứ tự quy định tại khoản 2 Điều này.

Điều 4. Trao đổi thông tin

1. Các thông báo, chấp thuận, chứng chỉ, quyết định,... đưa ra phải bằng văn bản và được chuyển đến bằng đường bưu điện, bằng fax, hoặc email theo địa chỉ các bên đã quy định trong hợp đồng.

2. Trường hợp bên nào thay đổi địa chỉ liên lạc thì phải thông báo cho bên kia để đảm bảo việc trao đổi thông tin. Nếu bên thay đổi địa chỉ mà không thông báo cho bên kia thì phải chịu trách nhiệm do việc thay đổi địa chỉ mà không thông báo.

Điều 5. Luật áp dụng và ngôn ngữ sử dụng trong hợp đồng

1. Hợp đồng này chịu sự điều chỉnh của hệ thống pháp luật của Việt Nam.

2. Ngôn ngữ của hợp đồng [quy định tại **ĐKCT**].

Điều 6. Nội dung, khối lượng công việc và sản phẩm của hợp đồng

1. Nội dung và khối lượng công việc Nhà thầu tư vấn bao gồm các công việc chủ yếu là công tác giám sát và kiểm tra chất lượng sản phẩm cấp chủ đầu tư.

- Nội dung và khối lượng công việc công tác giám sát thực hiện theo Điều 9, Thông tư số 24/2018/TT-BTNMT ngày 15 tháng 11 năm 2018 của Bộ Tài nguyên và Môi trường Quy định về kiểm tra, thẩm định, nghiệm thu chất lượng sản phẩm đo đạc và bản đồ và Khoản 2, Điều 28, Nghị định số 15/2021/NĐ-CP ngày 03 tháng 3 tháng 2021 của Chính phủ về quy định chi tiết một số nội dung về quản lý dự án đầu tư xây dựng.

- Nội dung và khối lượng công việc kiểm tra chất lượng sản phẩm cấp chủ đầu tư thực hiện theo Điều 10, Điều 12, Thông tư số 24/2018/TT-BTNMT ngày 15 tháng 11 năm 2018 của Bộ Tài nguyên và Môi trường Quy định về kiểm tra, thẩm định, nghiệm thu chất lượng sản phẩm đo đạc và bản đồ.

- Phối hợp với Chủ đầu tư lập hồ sơ nghiệm thu theo Điều 18 Thông tư số 24/2018/TT-BTNMT ngày 15 tháng 11 năm 2018 của Bộ Tài nguyên và Môi trường Quy định về kiểm tra, thẩm định, nghiệm thu chất lượng sản phẩm đo đạc và bản đồ.

2. Sản phẩm của hợp đồng

Theo Khoản 2 Điều 9, Khoản 3 Điều 10, Khoản 3 và Điểm e Khoản 2 Điều 12, Thông tư số 24/2018/TT-BTNMT ngày 15 tháng 11 năm 2018 của Bộ Tài nguyên và Môi trường Quy định về kiểm tra, thẩm định, nghiệm thu chất lượng sản phẩm đo đạc và bản đồ

Điều 7. Yêu cầu về chất lượng, số lượng sản phẩm tư vấn xây dựng

1. Yêu cầu về chất lượng

Chất lượng sản phẩm phải phù hợp với nội dung hợp đồng đã ký kết giữa các bên; đảm bảo thực hiện đúng các quy định của pháp luật về đo đạc và bản đồ, khảo sát địa hình, quy chuẩn, tiêu chuẩn áp dụng. Những sai sót trong sản phẩm của hợp đồng này phải được Nhà thầu hoàn chỉnh theo đúng các điều khoản thỏa thuận trong hợp đồng, yêu cầu của chủ đầu tư. Những sai sót trong sản phẩm khảo sát địa hình phải được nhà thầu phối hợp, chỉ đạo hoàn chỉnh theo yêu cầu của chủ đầu tư và các quy định có liên quan.

2. Số lượng hồ sơ sản phẩm tư vấn xây dựng của hợp đồng [quy định tại **ĐKCT**].

Điều 8. Căn cứ nghiệm thu sản phẩm tư vấn xây dựng

1. Hợp đồng tư vấn đã ký kết giữa các bên;
2. Quy chuẩn, tiêu chuẩn được áp dụng;
3. Nhiệm vụ, phương án khảo sát địa hình đã được phê duyệt;
4. Các sản phẩm tư vấn hoàn thành theo quy định tại Điều 6, Điều 7 và Điều 19 của Hợp đồng này.
5. Sản phẩm khảo sát địa hình thuộc gói thầu số 03.
6. Các hồ sơ, văn bản khác có liên quan.

Điều 9. Giá hợp đồng

1. Giá hợp đồng:

Giá hợp đồng được xác định với số tiền: [quy định tại **ĐKCT**].

2. Nội dung của giá hợp đồng

Nội dung của giá hợp đồng tư vấn đã bao gồm đầy đủ các yếu tố cấu thành chi phí thực hiện gói thầu

Điều 10. Điều chỉnh hợp đồng tư vấn

1. Điều chỉnh khối lượng công việc của hợp đồng tư vấn

Việc điều chỉnh khối lượng công việc trong hợp đồng thực hiện theo quy định tại Điều 37 Nghị định số 37/2015/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung tại khoản 13 Điều 1 Nghị định số 50/2021/NĐ-CP và Điều 4 Thông tư hướng dẫn một số nội dung về hợp đồng xây dựng.

Các trường hợp được điều chỉnh khối lượng của hợp đồng tư vấn [quy định tại **ĐKCT**].

2. Điều chỉnh tiến độ của hợp đồng tư vấn

- Việc điều chỉnh tiến độ thực hiện hợp đồng thực hiện theo quy định tại Điều 39 Nghị định số 37/2015/NĐ-CP.

- Khi điều chỉnh tiến độ hợp đồng xây dựng quy định tại điểm a khoản 2 Điều 39 Nghị định số 37/2015/NĐ-CP, Chủ đầu tư và Nhà thầu tư vấn có trách nhiệm đánh giá tác động của các sự kiện bất khả kháng đến tiến độ thực hiện hợp đồng xây dựng để xác định, quyết định điều chỉnh cho phù hợp.

- Trường hợp tạm dừng thực hiện công việc theo yêu cầu của Cơ quan nhà nước có thẩm quyền theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 39 Nghị định số 37/2015/NĐ-CP cần thực hiện các công việc sau:

+ Chủ đầu tư, Nhà thầu tư vấn căn cứ yêu cầu tạm dừng của Cơ quan nhà nước có thẩm quyền, đánh giá tác động đến tiến độ thực hiện hợp đồng xây dựng làm cơ sở xác định, thỏa thuận điều chỉnh tiến độ thực hiện hợp đồng.

+ Trường hợp phát sinh chi phí do kéo dài thời gian thực hiện hợp đồng thì Chủ đầu tư, Nhà thầu tư vấn căn cứ nội dung hợp đồng, hướng dẫn của Cơ quan nhà nước

có thẩm quyền về sự kiện dẫn đến tạm dừng thực hiện hợp đồng xây dựng làm cơ sở xác định, thỏa thuận về các khoản mục chi phí phát sinh hợp lý.

Các trường hợp được điều chỉnh tiến độ thực hiện hợp đồng tư vấn [quy định tại **ĐKCT**].

Điều 11. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của Nhà thầu tư vấn

1. Quyền của Nhà thầu tư vấn:

a) Theo Khoản 1, Điều 13 Thông tư số 24/2018/TT-BTNMT ngày 15 tháng 11 năm 2018 của Bộ Tài nguyên và Môi trường Quy định về kiểm tra, thẩm định, nghiệm thu chất lượng sản phẩm đo đạc và bản đồ

b) Yêu cầu Chủ đầu tư cung cấp thông tin, tài liệu liên quan đến nhiệm vụ tư vấn và phương tiện làm việc theo thỏa thuận hợp đồng (nếu có).

c) Được đề xuất thay đổi điều kiện cung cấp dịch vụ tư vấn vì lợi ích của Chủ đầu tư hoặc khi phát hiện các yếu tố ảnh hưởng đến chất lượng sản phẩm tư vấn.

d) Từ chối thực hiện công việc không hợp lý ngoài phạm vi hợp đồng và những yêu cầu trái pháp luật của Chủ đầu tư.

e) Được quyền yêu cầu Chủ đầu tư thanh toán đúng hạn, yêu cầu thanh toán các khoản lãi vay do chậm thanh toán theo quy định.

2. Nghĩa vụ của Nhà thầu tư vấn:

a) Hoàn thành công việc đúng tiến độ, chất lượng theo thỏa thuận trong hợp đồng.

b) Bảo quản và giao lại cho Chủ đầu tư những tài liệu và phương tiện làm việc do Chủ đầu tư cung cấp theo hợp đồng sau khi hoàn thành công việc (nếu có).

c) Thông báo ngay bằng văn bản cho Chủ đầu tư về những thông tin, tài liệu không đầy đủ, phương tiện làm việc không đảm bảo chất lượng để hoàn thành công việc.

d) Giữ bí mật thông tin liên quan đến dịch vụ tư vấn mà hợp đồng và pháp luật có quy định.

e) Thu thập các thông tin cần thiết để phục vụ cho công việc của hợp đồng:

Nhà thầu tư vấn phải thu thập các thông tin liên quan đến các vấn đề có thể ảnh hưởng đến tiến độ, chất lượng, giá hợp đồng hoặc trách nhiệm của Nhà thầu tư vấn theo hợp đồng, hoặc các rủi ro có thể phát sinh cho Nhà thầu tư vấn trong việc thực hiện công việc tư vấn xây dựng được quy định trong hợp đồng.

Trường hợp lỗi trong việc thu thập thông tin, hoặc bất kỳ vấn đề nào khác của Nhà thầu tư vấn để hoàn thành công việc tư vấn xây dựng theo các điều khoản được quy định trong hợp đồng thì Nhà thầu tư vấn phải chịu trách nhiệm.

g) Thực hiện công việc đúng pháp luật, quy chuẩn, tiêu chuẩn áp dụng cho hợp đồng.

h) Nộp cho Chủ đầu tư các báo cáo và các tài liệu với số lượng và thời gian quy định trong hợp đồng. Nhà thầu tư vấn thông báo đầy đủ và kịp thời tất cả các thông tin liên quan đến công việc tư vấn xây dựng có thể làm chậm trễ hoặc cản trở việc hoàn thành các công việc theo tiến độ và đề xuất giải pháp thực hiện.

i) Nhà thầu tư vấn có trách nhiệm trình bày và bảo vệ các quan điểm về các nội dung của công việc tư vấn xây dựng trong các buổi họp hoặc theo yêu cầu của chủ đầu tư.

k) Sản phẩm tư vấn xây dựng phải được thực hiện bởi các chuyên gia có đủ điều kiện năng lực hành nghề theo đúng thư mời chỉ định thầu và theo quy định của pháp luật.

l) Tuân thủ các yêu cầu và hướng dẫn của Chủ đầu tư, trừ những hướng dẫn hoặc yêu cầu trái với luật pháp hoặc không thể thực hiện được.

m) Bồi thường thiệt hại do lỗi của mình gây ra khi thực hiện không đúng nội dung hợp đồng tư vấn xây dựng đã ký kết.

3. Trách nhiệm của Nhà thầu tư vấn:

Theo Khoản 2, Điều 13 Thông tư số 24/2018/TT-BTNMT ngày 15 tháng 11 năm 2018 của Bộ Tài nguyên và Môi trường Quy định về kiểm tra, thẩm định, nghiệm thu chất lượng sản phẩm đo đạc và bản đồ

Điều 12. Quyền và nghĩa vụ của Chủ đầu tư

1. Quyền của Chủ đầu tư:

a) Được quyền sở hữu và sử dụng sản phẩm tư vấn xây dựng theo hợp đồng.

b) Từ chối nghiệm thu sản phẩm tư vấn xây dựng không đạt chất lượng theo hợp đồng.

c) Kiểm tra chất lượng công việc của Nhà thầu tư vấn nhưng không làm cản trở hoạt động bình thường của Nhà thầu tư vấn.

d) Yêu cầu sửa đổi, bổ sung sản phẩm tư vấn không đảm bảo chất lượng theo thỏa thuận hợp đồng.

e) Yêu cầu Nhà thầu tư vấn bổ sung, thay đổi cá nhân tư vấn không đáp ứng được yêu cầu năng lực theo hợp đồng, quy định.

2. Nghĩa vụ của Chủ đầu tư:

a) Cung cấp cho Nhà thầu tư vấn thông tin về yêu cầu công việc, tài liệu, bảo đảm thanh toán và các phương tiện cần thiết để thực hiện công việc theo thỏa thuận trong hợp đồng (nếu có).

b) Giải quyết kiến nghị của Nhà thầu tư vấn theo thẩm quyền trong quá trình thực hiện hợp đồng đúng thời hạn do các bên thỏa thuận trong hợp đồng.

c) Thanh toán đầy đủ cho Nhà thầu tư vấn theo đúng tiến độ thanh toán đã thỏa thuận trong hợp đồng.

d) Cử người có năng lực phù hợp để làm việc với Nhà thầu tư vấn.

e) Chịu trách nhiệm về tính chính xác và đầy đủ của các tài liệu do mình cung cấp. Bồi thường thiệt hại cho Nhà thầu tư vấn nếu Chủ đầu tư cung cấp thông tin không chính xác, không đầy đủ theo quy định của hợp đồng.

Điều 13. Nhân lực của Nhà thầu tư vấn

1. Nhân lực của Nhà thầu tư vấn phải đủ điều kiện năng lực, có chứng chỉ hành nghề theo quy định, trình độ chuyên môn, kinh nghiệm phù hợp về nghề nghiệp,

công việc của họ và phù hợp với quy định về điều kiện năng lực trong thư mời chỉ định thầu và pháp luật xây dựng, đấu thầu, đo đạc và bản đồ.

2. Trường hợp thay đổi nhân sự, Nhà thầu tư vấn phải trình bày lý do, đồng thời cung cấp lý lịch của người thay thế cho Chủ đầu tư, người thay thế phải có trình độ tương đương hoặc cao hơn người bị thay thế. Nếu Chủ đầu tư không có ý kiến về nhân sự thay thế trong vòng 3 ngày kể từ ngày nhận được đề nghị của Nhà thầu tư vấn thì nhân sự đó coi như được Chủ đầu tư chấp thuận.

3. Chủ đầu tư có quyền yêu cầu Nhà thầu tư vấn bổ sung, thay thế nhân sự nếu các nhân sự không đáp ứng được yêu cầu của Chủ đầu tư. Trong trường hợp này, Nhà thầu tư vấn phải gửi văn bản thông báo cho Chủ đầu tư trong vòng [quy định tại **ĐKCT**] kể từ ngày nhận được yêu cầu của Chủ đầu tư về việc thay đổi nhân sự. Trừ trường hợp có thỏa thuận khác, mọi chi phí phát sinh do thay đổi nhân sự do Nhà thầu tư vấn chịu. Mức thù lao cho nhân sự thay thế không vượt mức thù lao cho người bị thay thế.

4. Nhà thầu tư vấn có thể điều chỉnh thời gian làm việc của nhân sự nếu cần thiết nhưng không làm tăng giá hợp đồng. Những điều chỉnh khác chỉ được thực hiện khi được Chủ đầu tư chấp thuận.

5. Nhà thầu tư vấn tổ chức thực hiện công việc theo tiến độ đã thỏa thuận. Giờ làm việc, làm việc ngoài giờ, thời gian làm việc, ngày nghỉ,... thực hiện theo Bộ Luật Lao động. Nhà thầu tư vấn không được tính thêm chi phí làm ngoài giờ (giá hợp đồng đã bao gồm chi phí làm ngoài giờ).

Điều 14. Bản quyền và quyền sử dụng tài liệu

Nhà thầu tư vấn sẽ giữ bản quyền công việc tư vấn do mình thực hiện. Chủ đầu tư được toàn quyền sử dụng các tài liệu này để phục vụ công việc quy định trong hợp đồng mà không cần phải xin phép Nhà thầu tư vấn.

Nhà thầu tư vấn phải cam kết rằng sản phẩm tư vấn do Nhà thầu tư vấn thực hiện và cung cấp cho Chủ đầu tư không vi phạm bản quyền hoặc quyền sở hữu trí tuệ của bất cứ cá nhân hoặc bên thứ ba nào.

Chủ đầu tư sẽ không chịu trách nhiệm hoặc hậu quả nào từ việc khiếu nại sản phẩm tư vấn theo hợp đồng này đã vi phạm bản quyền hay quyền sở hữu trí tuệ của một cá nhân hay bên thứ ba nào khác.

Điều 15. Rủi ro và bất khả kháng

1. Rủi ro là nguy cơ ảnh hưởng tiêu cực đến việc thực hiện hợp đồng trong tương lai. Trong hợp đồng các bên phải quy định trách nhiệm của mỗi bên về quản lý và xử lý rủi ro của mình; trách nhiệm khắc phục hậu quả của mỗi bên trong trường hợp gặp rủi ro.

2. Bất khả kháng là một sự kiện rủi ro xảy ra một cách khách quan không thể lường trước khi ký kết hợp đồng và không thể khắc phục được khi nó xảy ra mặc dù đã áp dụng mọi biện pháp cần thiết và khả năng cho phép, phù hợp với tiêu chí được quy định tại khoản 2 Điều 51 Nghị định số 37/2015/NĐ-CP và khoản 1 Điều 156 Luật Dân sự.

3. Thông báo về bất khả kháng:

a) Khi một bên gặp tình trạng bất khả kháng thì phải thông báo bằng văn bản cho bên kia trong thời gian sớm nhất, trong thông báo phải nêu rõ các nghĩa vụ, công việc liên quan đến hậu quả của bất khả kháng.

b) Bên thông báo được miễn thực hiện công việc thuộc trách nhiệm của mình trong thời gian xảy ra bất khả kháng ảnh hưởng đến công việc theo nghĩa vụ hợp đồng.

4. Trách nhiệm của các bên đối với rủi ro:

a) Đối với những rủi ro đã tính trong giá hợp đồng thì khi rủi ro xảy ra Nhà thầu tư vấn phải chịu trách nhiệm bằng kinh phí của mình.

b) Đối với những rủi ro đã được mua bảo hiểm thì chi phí khắc phục hậu quả các rủi ro này do đơn vị bảo hiểm chi trả và không được tính vào giá hợp đồng.

c) Nhà thầu tư vấn phải bồi thường và gánh chịu những tổn hại cho Chủ đầu tư đối với các hỏng hóc, mất mát và các chi phí (bao gồm phí và các chi phí pháp lý) có liên quan do lỗi của mình gây ra.

d) Chủ đầu tư phải bồi thường những tổn hại cho Nhà thầu tư vấn đối với các thiệt hại, mất mát và chi phí (bao gồm phí và các chi phí pháp lý) liên quan do lỗi của mình gây ra.

5. Trách nhiệm của các bên đối với bất khả kháng:

a) Nếu Nhà thầu tư vấn bị cản trở thực hiện nhiệm vụ của mình theo hợp đồng do bất khả kháng mà đã thông báo theo các điều khoản của hợp đồng dẫn đến chậm thực hiện công việc và phát sinh chi phí do bất khả kháng, Nhà thầu tư vấn sẽ có quyền đề nghị xử lý như sau:

- Được kéo dài thời gian do sự chậm trễ theo quy định của hợp đồng (gia hạn thời gian hoàn thành).

- Được thanh toán các chi phí phát sinh theo các điều khoản quy định trong hợp đồng.

b) Chủ đầu tư phải xem xét quyết định các đề nghị của Nhà thầu tư vấn.

c) Việc xử lý hậu quả bất khả kháng không áp dụng đối với các nghĩa vụ thanh toán tiền của bất cứ bên nào cho bên kia theo hợp đồng.

6. Chấm dứt và thanh toán hợp đồng trong trường hợp bất khả kháng (nếu có):

a) Nếu việc thực hiện các công việc của hợp đồng bị dừng do bất khả kháng đã được thông báo theo quy định của hợp đồng trong khoảng thời gian mà tổng số ngày bị dừng lớn hơn số ngày do bất khả kháng đã được thông báo, thì một trong hai bên có quyền gửi thông báo chấm dứt hợp đồng cho bên kia.

b) Đối với trường hợp chấm dứt này, Chủ đầu tư sẽ phải thanh toán cho Nhà thầu tư vấn:

- Các khoản thanh toán cho bất kỳ công việc nào đã được hoàn thành theo giá đã được nêu trong hợp đồng.

- Chi phí cho thiết bị và vật tư được đặt hàng cho công trình đã được chuyển tới cho Nhà thầu tư vấn, hoặc những thứ Nhà thầu tư vấn có trách nhiệm chấp nhận giao

hàng: Thiết bị và vật tư này sẽ trở thành tài sản (và là rủi ro) của Chủ đầu tư khi đã được Chủ đầu tư thanh toán và Nhà thầu tư vấn sẽ để cho Chủ đầu tư sử dụng.

Điều 16. Tạm ngừng công việc trong hợp đồng

1. Tạm ngừng công việc bởi Chủ đầu tư

Nếu nhà thầu không thực hiện nghĩa vụ theo hợp đồng, Chủ đầu tư có thể tạm ngừng toàn bộ hoặc một phần công việc của nhà thầu bằng văn bản thông báo. Trong nội dung văn bản, Chủ đầu tư phải nêu rõ phần lỗi của nhà thầu và yêu cầu nhà thầu phải thực hiện và sửa chữa các sai sót trong khoảng thời gian hợp lý cụ thể, đồng thời nhà thầu phải bồi thường thiệt hại cho Chủ đầu tư do tạm ngừng công việc.

2. Tạm ngừng công việc bởi Nhà thầu tư vấn

a) Nếu Chủ đầu tư không thực hiện nghĩa vụ theo hợp đồng, không thanh toán theo các điều khoản đã thỏa thuận trong hợp đồng này quá 28 ngày kể từ ngày hết hạn thanh toán, sau khi thông báo cho Chủ đầu tư, Nhà thầu tư vấn có thể sẽ tạm ngừng công việc (hoặc giảm tỷ lệ công việc).

b) Sau khi Chủ đầu tư thực hiện các nghĩa vụ của mình theo hợp đồng, Nhà thầu tư vấn phải tiếp tục tiến hành công việc bình thường ngay khi có thể được.

c) Nếu các chi phí phát sinh là hậu quả của việc tạm ngừng công việc (hoặc do giảm tỷ lệ công việc) theo khoản này, Nhà thầu tư vấn phải thông báo cho Chủ đầu tư để xem xét. Sau khi nhận được thông báo, Chủ đầu tư xem xét và có ý kiến về các vấn đề đã nêu.

3. Trước khi tạm ngừng thực hiện công việc trong hợp đồng thì một bên phải thông báo cho bên kia biết bằng văn bản trong đó nêu rõ lý do tạm ngừng công việc thực hiện. Hai bên cùng nhau thương lượng giải quyết để tiếp tục thực hiện hợp đồng.

Điều 17. Chấm dứt hợp đồng

1. Chấm dứt hợp đồng bởi Chủ đầu tư

Chủ đầu tư có thể chấm dứt hợp đồng sau [quy định tại **ĐKCT**] kể từ ngày gửi văn bản kết thúc hợp đồng đến Nhà thầu tư vấn. Chủ đầu tư sẽ được quyền chấm dứt hợp đồng khi:

a) Nhà thầu tư vấn không sửa chữa được sai sót nghiêm trọng mà Nhà thầu tư vấn không thể khắc phục được trong việc thực hiện nhiệm vụ của mình trong vòng [quy định tại **ĐKCT**] mà Chủ đầu tư có thể chấp nhận được kể từ ngày nhận được thông báo của Chủ đầu tư về sai sót đó.

b) Nhà thầu không có lý do chính đáng mà không tiếp tục thực hiện công việc [quy định tại **ĐKCT**] liên tục không thực hiện công việc theo hợp đồng.

c) Chuyển nhượng hợp đồng mà không có sự thỏa thuận của Chủ đầu tư.

d) Nhà thầu tư vấn từ chối không tuân theo quyết định cuối cùng đã đạt được thông qua trọng tài phân xử tại Điều 22 [Khiếu nại và giải quyết tranh chấp].

e) Nhà thầu tư vấn cố ý trình Chủ đầu tư các tài liệu không đúng sự thật gây ảnh hưởng đến quyền lợi, nghĩa vụ và lợi ích của Chủ đầu tư.

g) Trường hợp bất khả kháng quy định tại Điều 15 [Rủi ro và bất khả kháng].

Sau khi chấm dứt hợp đồng, Chủ đầu tư có thể thuê các Nhà thầu tư vấn khác thực hiện tiếp công việc tư vấn. Chủ đầu tư và các Nhà thầu tư vấn này có thể sử dụng bất cứ tài liệu nào đã có.

2. Chấm dứt hợp đồng bởi Nhà thầu tư vấn

Nhà thầu tư vấn có thể chấm dứt hợp đồng nhưng phải thông báo bằng văn bản trước cho Chủ đầu tư tối thiểu là [quy định tại **ĐKCT**] trong các trường hợp sau đây:

a) Công việc bị ngừng do lỗi của Chủ đầu tư trong khoảng thời gian [quy định tại **ĐKCT**].

b) Chủ đầu tư không thanh toán cho Nhà thầu tư vấn theo hợp đồng và không thuộc đối tượng tranh chấp theo Điều 22 [Khiếu nại, hòa giải và giải quyết tranh chấp] sau khoảng thời gian [quy định tại **ĐKCT**] kể từ ngày Chủ đầu tư nhận đủ hồ sơ thanh toán hợp lệ.

c) Chủ đầu tư không tuân theo quyết định cuối cùng đã đạt được thông qua trọng tài phân xử tại Điều 22 [Khiếu nại và giải quyết tranh chấp].

d) Do hậu quả của sự kiện bất khả kháng mà Nhà thầu tư vấn không thể thực hiện một phần quan trọng công việc trong thời gian [quy định tại **ĐKCT**].

3. Khi chấm dứt hợp đồng, thì các quyền và nghĩa vụ của các bên sẽ chấm dứt trừ điều khoản về giải quyết tranh chấp.

4. Khi một trong hai bên chấm dứt hợp đồng thì ngay khi gửi hay nhận văn bản chấm dứt hợp đồng, Nhà thầu tư vấn sẽ thực hiện các bước cần thiết để kết thúc công việc tư vấn một cách nhanh chóng và cố gắng để giảm tối đa mức chi phí.

5. Thanh toán khi chấm dứt hợp đồng: Việc thanh toán thực hiện theo quy định của hợp đồng cho các công việc đã thực hiện trước ngày chấm dứt có hiệu lực (bao gồm chi phí chuyên gia, chi phí mua sắm thiết bị, các chi phí khác,...).

Điều 18. Quyết toán và thanh lý hợp đồng

1. Quyết toán hợp đồng

a) Việc quyết toán hợp đồng thực hiện theo quy định tại Điều 22 Nghị định số 37/2015/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung tại khoản 7 Điều 1 Nghị định số 50/2021/NĐ-CP.

b) Trong vòng 03 ngày kể từ ngày nghiệm thu hoàn thành toàn bộ nội dung công việc tư vấn theo hợp đồng, khi nhận được Biên bản nghiệm thu và xác nhận của Chủ đầu tư rằng Nhà thầu tư vấn đã hoàn thành tất cả các nghĩa vụ theo quy định của hợp đồng, Nhà thầu tư vấn sẽ trình cho Chủ đầu tư 06 bộ tài liệu quyết toán hợp đồng, hồ sơ quyết toán bao gồm:

- Biên bản nghiệm thu hoàn thành toàn bộ nội dung công việc tư vấn.
- Bản xác nhận giá trị khối lượng công việc phát sinh (nếu có).
- Bảng tính giá trị quyết toán hợp đồng trong đó nêu rõ phần đã thanh toán và giá trị còn lại mà Chủ đầu tư phải thanh toán cho Nhà thầu tư vấn.

c) Nếu Chủ đầu tư không đồng ý hoặc cho rằng Nhà thầu tư vấn chưa cung cấp đủ cơ sở để xác nhận một phần nào đó của tài liệu quyết toán hợp đồng, Nhà thầu tư

vấn sẽ cung cấp thêm thông tin khi Chủ đầu tư có yêu cầu hợp lý và sẽ thay đổi theo sự thống nhất của hai bên. Nhà thầu tư vấn sẽ chuẩn bị và trình cho Chủ đầu tư quyết toán hợp đồng như hai bên đã thống nhất.

d) Sau khi hợp đồng được quyết toán theo quy định, Chủ đầu tư sẽ thanh toán toàn bộ giá trị còn lại của hợp đồng cho nhà thầu.

2. Việc thanh lý hợp đồng phải được hoàn tất trong thời hạn 05 ngày kể từ ngày các bên hoàn thành các nghĩa vụ theo hợp đồng hoặc bị chấm dứt theo Điều 18 [Chấm dứt hợp đồng].

Điều 19. Nghiệm thu sản phẩm tư vấn

Nghiệm thu sản phẩm được tiến hành [quy định tại ĐKCT].

Điều 20. Thời gian và tiến độ thực hiện hợp đồng tư vấn xây dựng

1. Tổng thời gian thực hiện là [quy định tại ĐKCT].

2. Trong thời gian thực hiện hợp đồng, trường hợp Nhà thầu tư vấn hoặc Chủ đầu tư gặp khó khăn dẫn đến chậm trễ thời gian thực hiện hợp đồng thì một bên phải thông báo cho bên kia biết, đồng thời nêu rõ lý do cùng thời gian dự tính kéo dài. Sau khi nhận được thông báo kéo dài thời gian của một bên, bên kia sẽ nghiên cứu xem xét. Trường hợp chấp thuận gia hạn hợp đồng, các bên sẽ thương thảo và ký kết Phụ lục bổ sung hợp đồng.

3. Việc gia hạn thời gian thực hiện hợp đồng không được phép làm tăng giá hợp đồng nếu việc chậm trễ do lỗi của Nhà thầu tư vấn.

Điều 21. Tạm ứng và thanh toán

1. Tạm ứng: [quy định tại ĐKCT].

2. Tiến độ thanh toán: [quy định tại ĐKCT].

3. Hồ sơ thanh toán gồm:

- Bảng xác định giá trị khối lượng hoàn thành
- Biên bản nghiệm thu khối lượng hoàn thành
- Đề nghị thanh toán của Nhà thầu tư vấn bao gồm: Giá trị hoàn thành theo hợp đồng, giá trị cho những công việc phát sinh (nếu có), giảm trừ tiền tạm ứng (nếu có),

4. Đồng tiền thanh toán là đồng tiền Việt Nam.

5. Hình thức thanh toán: Chủ đầu tư sẽ thanh toán cho Nhà thầu theo hình thức chuyển khoản.

Điều 22. Khiếu nại, hòa giải và giải quyết tranh chấp

1. Khi một bên phát hiện bên kia thực hiện không đúng hoặc không thực hiện nghĩa vụ theo đúng hợp đồng thì có quyền yêu cầu bên kia thực hiện theo đúng nội dung hợp đồng đã ký kết. Khi đó bên phát hiện có quyền khiếu nại bên kia về nội dung này. Bên kia phải đưa ra các căn cứ, dẫn chứng cụ thể để làm sáng tỏ nội dung khiếu nại trong vòng [quy định tại ĐKCT]. Nếu những các căn cứ, dẫn chứng không hợp lý thì phải chấp thuận những khiếu nại của bên kia.

Trong vòng 30 ngày kể từ ngày phát hiện những nội dung không phù hợp với hợp đồng đã ký, bên phát hiện phải thông báo ngay cho bên kia về những nội dung đó và khiếu nại về các nội dung này. Ngoài khoảng thời gian này nếu không bên nào có khiếu nại thì các bên phải thực hiện theo đúng những thỏa thuận đã ký.

Trong vòng 30 ngày kể từ ngày nhận được khiếu nại, bên nhận được khiếu nại phải chấp thuận với những khiếu nại đó hoặc phải đưa ra những căn cứ, dẫn chứng về những nội dung cho rằng việc khiếu nại của bên kia là không phù hợp với hợp đồng đã ký. Ngoài khoảng thời gian này nếu bên nhận được khiếu nại không có ý kiến thì coi như đã chấp thuận với những nội dung khiếu nại do bên kia đưa ra.

2. Khi có tranh chấp phát sinh trong quá trình thực hiện hợp đồng, các bên sẽ cố gắng thương lượng để giải quyết bằng biện pháp hòa giải.

Thời gian để tiến hành hòa giải: [quy định tại **ĐKCT**].

Trường hợp thương lượng không có kết quả thì khoảng thời gian các bên được quyền gửi vấn đề lên Trọng tài để xử lý tranh chấp theo các quy tắc của Việt Nam (hoặc Tòa án Nhân dân) theo quy định của pháp luật [quy định tại **ĐKCT**] kể từ ngày phát sinh tranh chấp hợp đồng không thể hòa giải. Quyết định của Trọng tài (hoặc Tòa án Nhân dân) là quyết định cuối cùng và có tính chất bắt buộc với các bên.

3. Hợp đồng bị vô hiệu, chấm dứt không ảnh hưởng đến hiệu lực của các điều khoản về giải quyết tranh chấp.

Điều 23. Thưởng, phạt, bồi thường thiệt hại

1. Thưởng hợp đồng: Không áp dụng

2. Phạt vi phạm hợp đồng: Không áp dụng

3. Bồi thường thiệt hại

- Bồi thường thiệt hại: [quy định tại **ĐKCT**].

Điều 24. Điều khoản chung

Các bên đồng ý với tất cả các điều khoản, quy định và điều kiện của hợp đồng này. Không có cơ quan nào hoặc đại diện của bên nào có quyền đưa ra tuyên bố, trình bày, hứa hẹn hoặc thỏa thuận nào mà không được nêu ra trong hợp đồng; Không bên nào bị ràng buộc hoặc có trách nhiệm trước các điều đó.

Các bên cam kết thực hiện một cách trung thực, công bằng và đảm bảo để thực hiện theo mục tiêu của hợp đồng.

Hợp đồng này có hiệu lực kể từ thời điểm [quy định tại **ĐKCT**].

(Trường hợp thời gian hiệu lực của hợp đồng khác do các bên thỏa thuận)

Số lượng trang, số lượng phụ lục, số bản được thành lập, ngôn ngữ hợp đồng, giá trị pháp lý, số bản Chủ đầu tư sẽ giữ, số bản Nhà thầu tư vấn sẽ giữ [quy định tại **ĐKCT**].

PHẦN 4. ĐIỀU KIỆN CỤ THỂ CỦA HỢP ĐỒNG

Điều 2. Loại hợp đồng

Loại hợp đồng: Hợp đồng trọn gói

Điều 5. Luật áp dụng và ngôn ngữ sử dụng trong hợp đồng

2. Ngôn ngữ của hợp đồng

Ngôn ngữ của hợp đồng này được thể hiện bằng tiếng Việt.

Điều 7. Yêu cầu về chất lượng, số lượng sản phẩm tư vấn xây dựng

2. Số lượng hồ sơ sản phẩm tư vấn xây dựng của hợp đồng: 07 bộ

Điều 9. Giá hợp đồng

1. Giá hợp đồng:

Giá Hợp đồng được xác định với số tiền là: **64.800.000 đồng** (Bằng chữ: Sáu mươi bốn triệu, tám trăm nghìn đồng chẵn.).

Giá trị trên đã bao gồm toàn bộ các chi phí để thực hiện công việc theo hợp đồng, tất cả các loại thuế liên quan đến công việc theo quy định của pháp luật

Giá trị Hợp đồng là giá trị tạm tính. Giá trị thanh quyết toán Hợp đồng là giá trị khối lượng hoàn thành thực tế được nghiệm thu nhưng đảm bảo không vượt giá trị Hợp đồng được ký kết.

Điều 10. Điều chỉnh hợp đồng tư vấn xây dựng

1. Điều chỉnh khối lượng công việc của hợp đồng tư vấn

Các trường hợp được điều chỉnh khối lượng của hợp đồng tư vấn thực hiện theo quy định tại Điều 37 Nghị định số 37/2015/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung tại khoản 13 Điều 1 Nghị định số 50/2021/NĐ-CP và Điều 4 Thông tư hướng dẫn một số nội dung về hợp đồng xây dựng

2. Điều chỉnh tiến độ của hợp đồng tư vấn

Các trường hợp được điều chỉnh tiến độ thực hiện hợp đồng tư vấn thực hiện theo quy định tại Điều 39 Nghị định số 37/2015/NĐ-CP

Điều 13. Nhân lực của Nhà thầu tư vấn

Nhà thầu tư vấn phải gửi văn bản thông báo cho Chủ đầu tư trong vòng là 03 ngày

Điều 17. Chấm dứt hợp đồng

Chủ đầu tư có thể chấm dứt hợp đồng sau 05 ngày

Nhà thầu tư vấn không sửa chữa được sai sót nghiêm trọng mà Nhà thầu tư vấn không thể khắc phục được trong việc thực hiện nhiệm vụ của mình trong vòng 03 ngày

Nhà thầu không có lý do chính đáng mà không tiếp tục thực hiện công việc 07 ngày liên tục không thực hiện công việc theo hợp đồng.

Nhà thầu tư vấn có thể chấm dứt hợp đồng nhưng phải thông báo bằng văn bản trước cho Chủ đầu tư tối thiểu là 03 ngày

Công việc bị ngừng do lỗi của Chủ đầu tư trong khoảng thời gian 03 ngày

Chủ đầu tư không thanh toán cho Nhà thầu tư vấn theo hợp đồng và không thuộc đối tượng tranh chấp theo Điều 22 [Khiếu nại, hòa giải và giải quyết tranh chấp] sau khoảng thời gian 28 ngày kể từ ngày Chủ đầu tư nhận đủ hồ sơ thanh toán hợp lệ và được phân bổ vốn.

Do hậu quả của sự kiện bất khả kháng mà Nhà thầu tư vấn không thể thực hiện một phần quan trọng công việc trong thời gian 30 ngày

Điều 19. Nghiệm thu sản phẩm tư vấn

Nghiệm thu khối lượng hoàn thành sau khi nhà thầu hoàn thành công tác tư vấn, bàn giao cho chủ đầu tư đầy đủ sản phẩm theo quy định của hợp đồng và công tác khảo sát địa hình thuộc gói thầu số 03 được chủ đầu tư nghiệm thu khối lượng hoàn thành.

Điều 20. Thời gian và tiến độ thực hiện hợp đồng tư vấn xây dựng

Thời gian thực hiện hợp đồng: Theo thời gian thực hiện công tác khảo sát thuộc gói thầu số 3

Trong thời gian thực hiện hợp đồng, trường hợp nhà thầu hoặc chủ đầu tư gặp khó khăn dẫn đến chậm trễ thời gian thực hiện Hợp đồng thì một bên phải thông báo cho bên kia biết, đồng thời nêu rõ lý do cùng thời gian dự tính kéo dài. Sau khi nhận được thông báo kéo dài thời gian của một bên, bên kia sẽ nghiên cứu xem xét. Trường hợp chấp thuận gia hạn hợp đồng, các bên sẽ thương thảo và ký kết Phụ lục bổ sung Hợp đồng.

Điều 21. Tạm ứng và thanh toán

1. Tạm ứng hợp đồng: Không áp dụng
2. Tiến độ thanh toán:

Việc thanh toán được thực hiện giữa Chủ đầu tư và nhà thầu trên cơ sở sản phẩm tư vấn được Chủ đầu tư nghiệm thu, chấp thuận.

Trường hợp khối lượng thực hiện ít hơn khối lượng theo hợp đồng thì được thanh toán theo khối lượng thực tế hoàn thành được nghiệm thu.

Căn cứ vào nguồn vốn được phân bổ của dự án, Chủ đầu tư sẽ thanh toán cho Nhà thầu đến 95% giá trị khối lượng hoàn thành được nghiệm thu theo Điều 20 [Nghiệm thu sản phẩm tư vấn]. Giá trị còn lại sẽ được thanh toán khi quyết toán gói thầu.

Việc thanh toán sẽ được tiến hành sau khi Bên A nhận được hoá đơn chứng từ hợp pháp cùng với các sản phẩm do Bên B cung cấp được nghiệm thu theo quy định của hợp đồng và các bên ký biên bản nghiệm thu sản phẩm hợp đồng.

Điều 22. Khiếu nại, hòa giải và giải quyết tranh chấp

1. Thời gian để làm sáng tỏ nội dung khiếu nại là 05 ngày
2. Khi có tranh chấp phát sinh trong quá trình thực hiện hợp đồng, các bên sẽ cố gắng thương lượng để giải quyết bằng biện pháp hòa giải.

Thời gian để tiến hành hòa giải là 30 ngày

Khoảng thời gian các bên được quyền gửi vấn đề lên Trọng tài để xử lý tranh chấp theo các quy tắc của Việt Nam (hoặc Tòa án Nhân dân) theo quy định của pháp luật là 15 ngày.

Điều 23. Thương, phạt, bồi thường thiệt hại

1. Thương hợp đồng: Không áp dụng
2. Phạt vi phạm hợp đồng: Không áp dụng
3. Bồi thường thiệt hại trên cơ sở thực tế

Điều 24. Điều khoản chung

Hợp đồng này có hiệu lực kể từ ngày ký

Hợp đồng này được lập thành 10 bản bằng tiếng Việt có giá trị pháp lý như nhau. Chủ đầu tư sẽ giữ 06 bản, Nhà thầu tư vấn sẽ giữ 04 bản./.



ĐẠI DIỆN NHÀ THẦU

GIÁM ĐỐC
PGS.TS. Trần Đình Kiên



ĐẠI DIỆN CHỦ ĐẦU TƯ

TRƯỞNG BAN
Nguyễn Nhân Cường

